

CƠ SỞ GIẾT MỔ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ GIẾT MỔ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN**

**ĐỊA ĐIỂM CƠ SỞ: XÃ PHƯỚC HẢO, HUYỆN CHÂU THÀNH,
TỈNH TRÀ VINH**

Châu Thành, tháng 3 năm 2023

CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC HẢO, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ
HỘ KINH DOANH CƠ SỞ GIẾT MỒ
TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
TỬ THIÊN



Lâm Quốc Tuấn

Tử Thiên

Châu Thành, tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

Chương I : THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	10
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở)	11
2.2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	17
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	19
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	19
3.1.3. Xử lý nước thải.....	20
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	25
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	26
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	26

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	26
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ...	29
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	29
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với bụi, khí thải: không có.....	30
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có.....	30
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	31
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	32
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	33
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	33
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	33
6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	34
6.2.2 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	34
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	35
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	36

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CO	Giấy chứng nhận xuất xứ
CP	Chính phủ
CQ	Giấy chứng nhận chất lượng
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ND	Nghị định
QA	Bảo đảm chất lượng
QC	Kiểm soát chất lượng
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên và môi trường
TT	Thông tư
XLNT	Xử lý nước thải
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 1. Tọa độ các điểm kếp góc ranh giới của cơ sở	2
Bảng 2. Các hạng mục, công trình của cơ sở	6
Bảng 3. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})	14
Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	15
Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	15
Bảng 6. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn}).....	16
Bảng 7. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải	16
Bảng 8. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí.....	17
Bảng 9. Thông số kỹ thuật bể tự hoại tại cơ sở	22
Bảng 10. Các sự cố và cách khắc phục khi vận hành hầm Biogas.....	27
Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2022	31
Bảng 12. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt	32
Bảng 13. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở	33

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Trang

Hình 1.	Sơ đồ vị trí của cơ sở.....	2
Hình 2.	Hình ảnh vị trí thực tế của cơ sở	3
Hình 3.	Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở.....	5
Hình 4.	Quy trình sản xuất vận hành của cơ sở	8
Hình 5.	Sơ đồ vị trí xả thải vào nguồn nước của cơ sở.....	18
Hình 6.	Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa.....	19
Hình 7.	Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	20
Hình 8.	Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại.....	21
Hình 9.	Hình minh họa cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn.....	21
Hình 10.	Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất.....	22
Hình 11.	02 hầm biogas và ao chứa 1	23
Hình 12.	03 ao sinh học.....	23

Chương I : THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN**

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông Lâm Quốc Tuấn Điện thoại: 0972.509.234

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 58C8003812, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2016 được cấp bởi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu Thành.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN**

+ Địa điểm cơ sở: Ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

+ Điện thoại: 0972.509.234

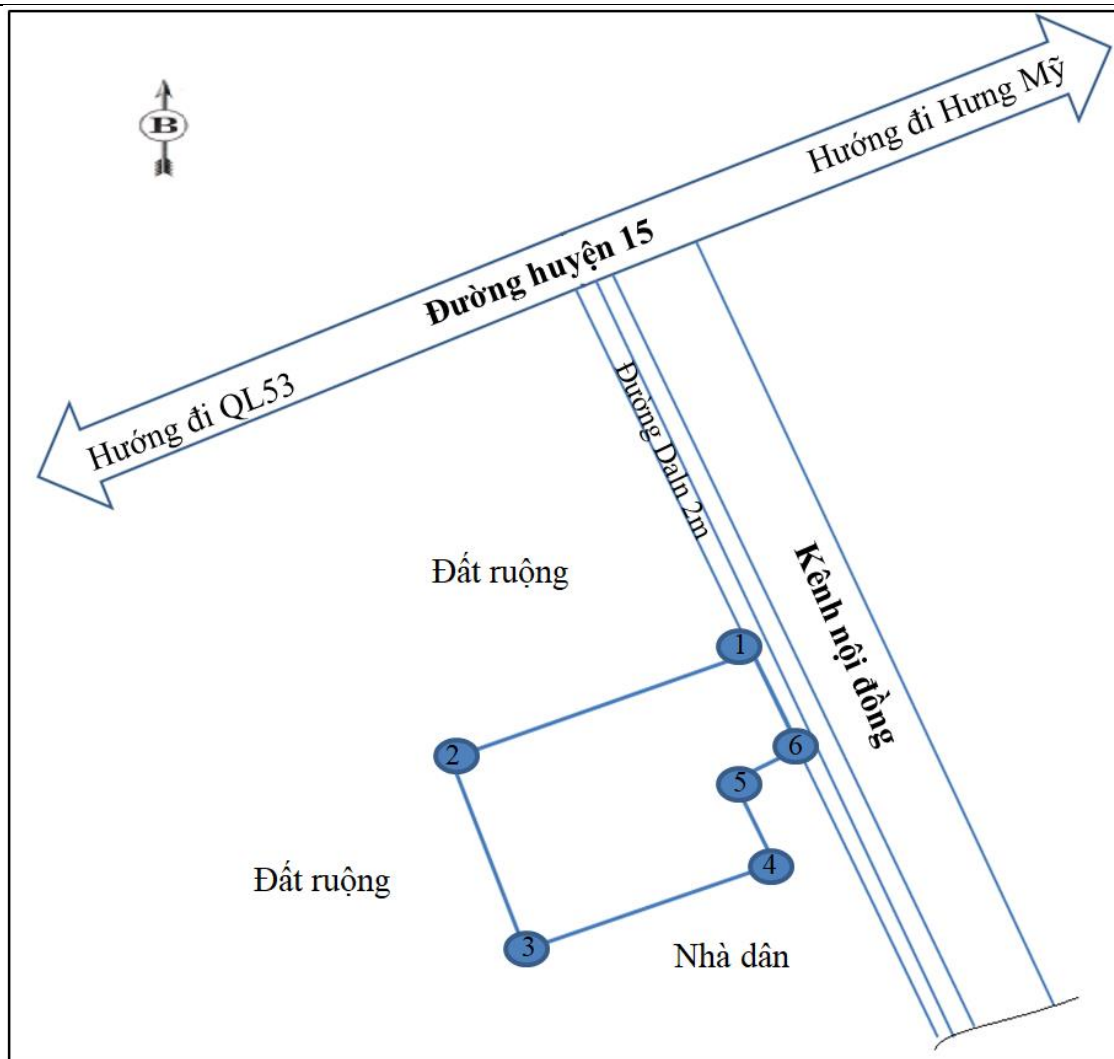
- Tổng diện tích cơ sở khoảng 2.602,7 m² thuộc thửa đất số 390, 33, 414 tờ bản đồ số 11, tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông: Tiếp giáp kênh nội đồng;

+ Phía Tây: Tiếp giáp đất ruộng;

+ Phía Nam: Tiếp giáp nhà dân;

+ Phía Bắc: Tiếp giáp đất ruộng.



Hình 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở

Tọa độ các điểm giới hạn các điểm góc của dự án được thể hiện như sau (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Bảng 1. Tọa độ các điểm kép góc ranh giới của cơ sở

STT	Ký hiệu điểm	Tọa độ VN-2000	
		X	Y
1	Điểm 1	1093920	597733
2	Điểm 2	1093902	597687
3	Điểm 3	1093866	597699
4	Điểm 4	1093881	597735
5	Điểm 5	1093897	597729
6	Điểm 6	1093902	597741

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)



Hình 2. Hình ảnh vị trí thực tế của cơ sở

- **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:**

+ Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 46/XN-UBND ngày 04/12/2015.

+ Công văn số 2289/UBND-NN ngày 01/12/2016 của UBND huyện Châu Thành về việc thay đổi tên Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn.

+ Công văn số 2602/UBND-NN ngày 10/9/2018 của UBND huyện Châu Thành về việc điều chỉnh nội dung trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn.

- **Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)**

+ Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn được quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 8 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư của cơ sở khoảng 300.000.000 đồng: thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ) .

+ Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định tại Mục số I Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm c Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Cơ sở đã hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực → Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND huyện Châu Thành cấp phép.

→ Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Hộ kinh doanh Lâm Quốc Tuấn phối hợp cùng Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn để trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

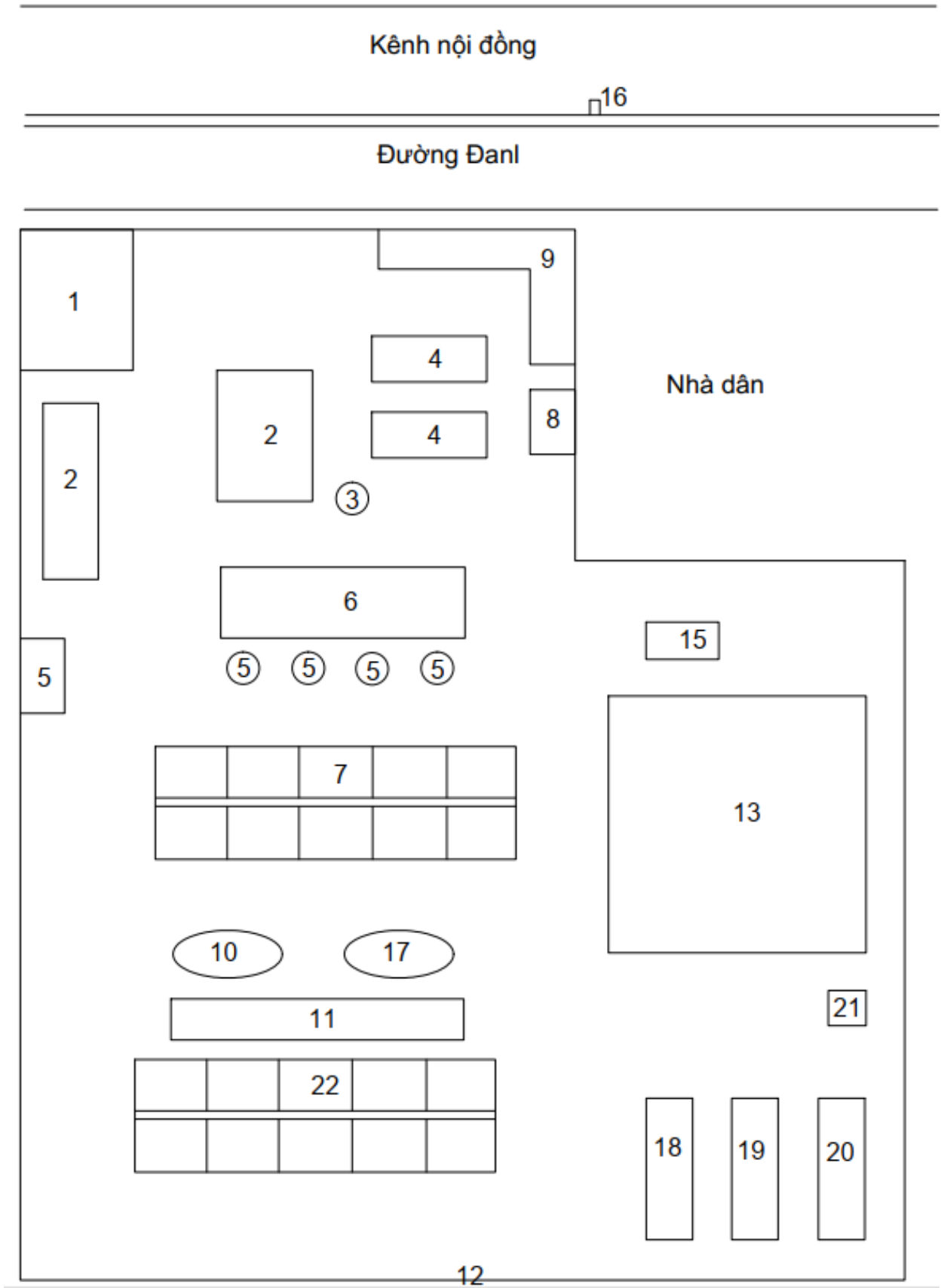
- Loại hình hoạt động: Công nghiệp chế biến (giết mổ gia súc tập trung, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt).

- Công suất của cơ sở từ 50-100 heo thịt/ngày, tùy thuộc vào nhu cầu của các tiểu thương và thị trường.

- Quy mô về diện tích: Tổng diện tích cơ sở khoảng 2.602,7 m² thuộc thửa

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

đất số 390, 33, 414 tờ bản đồ số 11, ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.



Hình 3. Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở

Các hạng mục, công trình của cơ sở được chú thích chi tiết tại bảng sau:

Bảng 2. Các hạng mục, công trình của cơ sở

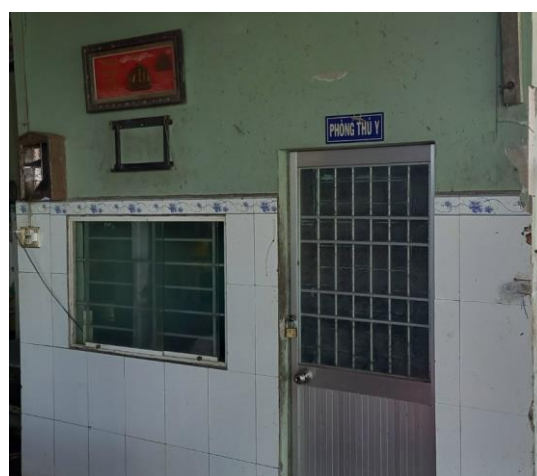
Ký hiệu	Tên hạng mục	Ký hiệu	Tên hạng mục
1	Nhà nghỉ công nhân	12	Hàng rào tường, cao 3m
2	Bàn ra thịt 1	13	Ao chứa 2
3	Giá treo	14	Hệ thống rãnh thu gom NT
4	Bàn ra thịt 2	15	Hố khử trùng 2
5	Lò	16	Điểm xả thải
6	Nơi làm sạch gia súc	17	Hầm Biogas 2
7	Chuồng 1	18	Ao sinh học 1
8	Nơi làm sạch ruột	19	Ao sinh học 2
9	Khu vực sát trùng gia súc trước khi nhốt	20	Ao sinh học 3
10	Hầm Biogas 1	21	Hố khử trùng 1
11	Ao chứa 1	22	Chuồng 2

(Sơ đồ bố trí các hạng mục đính kèm tại phụ lục Báo cáo)

- Một số hình ảnh về các hạng mục, công trình của cơ sở:



Khu vực tiếp nhận xe chở heo



Khu vực phòng thú y



Khu vực lược tiết



Khu vực các lò trụng



Khu vực làm lòng



Khu vực chuồng 2



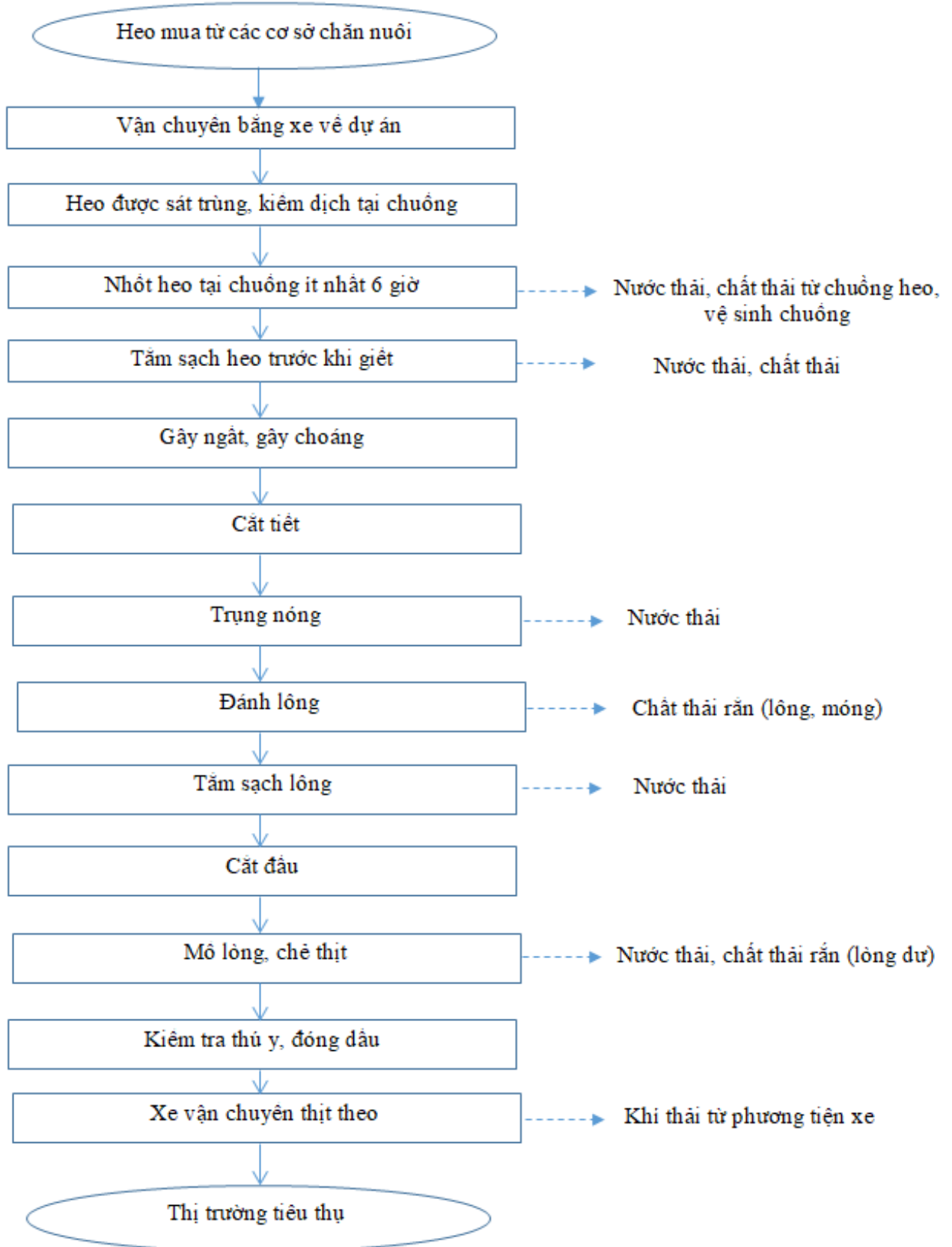
Khu vực chuồng 1



Khu vực bố trí giá treo

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất vận hành của cơ sở được thể hiện như hình sau:



Hình 4. Quy trình sản xuất vận hành của cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Gia súc (heo) được các tiểu thương, thương lái vận chuyển về chuồng tập kết tại cơ sở, chủ cơ sở bố trí 02 chuồng tập kết tổng, từ đây thương lái bắt đầu chuyển đến các ô chuồng nhỏ cho từng tiểu thương đồng thời có các bình sơn đủ màu để đánh dấu các cá thể heo nhằm phân biệt cho các tiểu thương.

Thời gian nhập heo đến cơ sở từ 11h trưa đến 17h chiều, phương tiện vận chuyển chủ yếu là xe tải nhỏ và xe tải lớn loại 10 tấn; Trước khi chuyển gia súc đến khâu giết mổ, heo được công nhân của cơ sở tắm sạch sẽ bùn đất, phân dính ngoài da (nếu có).

Thời gian giết mổ là từ 1h sáng đến 5h sáng, Chủ cơ sở sử dụng súng điện với nguyên tắc súng điện an toàn cho người sử dụng, sau khi gây mê công nhân tiến hành chọc tiết, dụng cụ hứng tiết là thau nhựa, thời gian hứng tiết khoảng 2 phút.

Cơ sở sử dụng khí Biogas, củi để đun lò hơi rồi lấy hơi nóng đun nước sôi cho từng chảo cạo lông. Đồng thời lò hơi cũng được dẫn truyền hơi nóng đến khu luộc huyết, khu chảo cạo lông gia súc.

Gia súc sau khi làm sạch và được kiểm tra của ngành thú y sau đó vận chuyển đến khu phân tách các loại thịt, sản phẩm thịt được chứa vào các khay nhựa hoặc treo trên móc treo để chuyển đến công đoạn vận chuyển cho các tiểu thương ở chợ.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là: thịt gia súc chẻ đôi và lấy lòng. Gia súc sau khi làm sạch và được kiểm tra của ngành thú y sau đó vận chuyển đến khu phân tách các loại thịt, sản phẩm thịt được chứa vào các khay nhựa hoặc treo trên móc treo để chuyển đến công đoạn vận chuyển cho các tiểu thương ở chợ.

Công suất của cơ sở từ 50-100 heo thịt/ngày, tùy thuộc vào nhu cầu của các tiểu thương và thị trường.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

- **Nhu cầu nguyên liệu:** Nguyên liệu vào cơ sở giết mổ là lượng heo sống do khách hàng đem tới để thuê mổ và do nhân viên của lò đi thu mua về nhốt chuồng trại. Heo nguyên liệu thường được thu mua chủ yếu ở trong tỉnh Trà Vinh và một số tỉnh lân cận như Bến Tre, Vĩnh Long.

Lượng heo trung bình nhập vào của cơ sở từ 50-100 heo thịt/ngày.

- **Nhu cầu về nước:** Khối lượng nước sử dụng hiện tại của cơ sở khoảng 4,0 m³/ngày (khoảng 120 m³/tháng). Nguồn cung cấp nước cho cơ sở từ hệ thống nước cấp nông thôn của xã Phước Hảo.

- **Nhu cầu về điện:** Nguồn điện phục vụ cho hoạt động máy móc, trang thiết bị và chiếu sáng của cơ sở được cung cấp từ mạng lưới điện Quốc gia. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.100 Kwh/tháng.

- **Nhu cầu nhiên liệu:**

+ Khí biogas: Khí gas từ hầm ủ Biogas được cơ sở sử dụng làm khí đốt cho lò hơi nhằm chưng nước nóng trong công đoạn giết mổ.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Cơ sở hoạt động từ năm 2015 đến nay. Theo ghi nhận qua quá trình khảo sát sơ bộ từ người dân chính quyền địa phương, hoạt động của cơ sở chưa ghi nhận các khiếu nại về vấn đề ô nhiễm môi trường.

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 58C8003812, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2016.

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành và tỉnh Trà Vinh.

Mục tiêu dự án là cung cấp thực phẩm heo sạch nên khi cơ sở đi vào hoạt động sẽ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa phương.

Mối quan hệ của dự án với các dự án khác: Xung quanh khu vực dự án không có các đối tượng kinh tế như khu đô thị, các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Quanh khu vực dự án trong vòng bán kính 1,0 km không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho an ninh quốc phòng.

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (tháng 02/2023), quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Do đó, báo cáo chưa đề cập nội dung này

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở)

Hiện tại, cơ sở đang thực hiện xả nước thải (đã qua xử lý) vào kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 4,0m³/ngày đêm.

a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:

- **Các hoạt động phát sinh nước thải:**
 - + Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của nhân viên.
 - + Nước thải sản xuất phát sinh từ các quá trình vệ sinh chuồng nhốt heo và lò giết mổ heo.

- Lưu lượng nước thải phát sinh như sau:

- + Lưu lượng xả thải trung bình $Q_a = 2,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$
- + Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $Q_{\max} = 4,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:

- **Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải:**

Trên địa bàn xã Phước Hảo, huyện Châu Thành có mạng lưới kênh thủy lợi dày đặc, chủ yếu là các kênh rạch nhỏ để dẫn và tiêu thoát nước phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động sinh hoạt của người dân.

- **Điều kiện chế độ thủy văn:** Ảnh hưởng trực tiếp bởi Sông Cổ Chiên, trong ngày nước lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường và 2 lần triều kém, biên độ triều trong ngày rất lớn. Hệ thống kênh rạch khá chằng chịt, tạo nên mạng lưới tiêu úng, rửa phèn tốt.

- **Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải:**

+ Tiếp giáp về phía Đông của cơ sở là kênh nội đồng (cấp II), dài khoảng 9,8 km (kéo dài từ kênh Rạch Kinh – xã Hòa Thuận đến kênh Đại Thôn – xã Phước Hảo), chiều rộng trung bình từ 6-8m, chiều rộng đáy kênh khoảng 4m, độ sâu mực nước trung bình 2,0-2,5m.

+ Chọn kênh nội đồng là nguồn tiếp nhận nước thải vì: Kênh nội đồng có chiều rộng trung bình từ 6-8m, chiều rộng đáy kênh khoảng 4m, độ sâu mực nước trung bình 2,0-2,5m, dài khoảng 9,8km. Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của sông là 7,26 m³/s, lựa chọn theo TCVN 4118:2021 - Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế ⁽¹⁾. Lưu lượng xả thải lớn nhất của cơ sở là 4m³/ngày.đêm, tương đương 0,000046 m³/s rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh nội đồng. Do đó, việc xả thải của cơ sở vào kênh nội đồng không ảnh hưởng lớn đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

- **Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:**

⁽¹⁾ Với chế độ dòng chảy trong kênh ổn định, ta chọn công thức: $Q_{tk} = \omega \times C \times \sqrt{R \times i}$, trong đó:

Q_{tk} là lưu lượng thiết kế kênh, m³/s

b là bề rộng đáy kênh, m. Chọn $b = 4m$

m là hệ số mái dốc của kênh hình thang. Chọn $m = 1,5$

h là chiều sâu nước trong kênh, m. Chọn $h = 2,0m$

ω là diện tích mặt cắt ướt của kênh, m². $\omega = (b + m \times h) \times h = (4 + 1,5 \times 2) \times 2 = 14 m^2$

R là bán kính thủy lực, m, $R = \frac{\omega}{\chi} = 1,2488 m$

χ là chu vi ướt của kênh, m. Đối với kênh hình thang, $\chi = b + 2 \times h \times \sqrt{1 + m^2} = 11,21110255 m$

i là độ dốc đáy kênh; Chọn $i = 1/10.000$ (đối với tuyến kênh đi qua vùng địa hình tương đối bằng phẳng)

C là hệ số Sezy, m^{0,5}/s; $C = \frac{1}{n} \times R^y = 46,4121 m^{0,5}/s$

n là hệ số nhám của lòng kênh, chọn $n = 0,0225$

y là chỉ số phụ thuộc vào hệ số nhám của lòng kênh và bán kính thủy lực R , Khi $R > 1,0m$, $y = 1,3\sqrt{n} = 0,195$

Như vậy, $Q_{tk} = 14 \times 46,4121 \times \sqrt{1,2488 \times 0,00001} = 7,26 m^3/s$

+ Xác định đoạn sông cần đánh giá: Vị trí mặt cắt kênh tại điểm xả nước thải rộng khoảng 4m. Căn cứ theo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, khu vực cần đánh giá khả năng nhận nước thải, sức chịu tải là “đoạn kênh nội đồng chảy qua khu vực xã Phước Hảo, tiếp giáp cơ sở”.

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt kênh nội đồng dùng cho mục đích tưới tiêu, nông nghiệp.

+ Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺-N.

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn kênh cần đánh giá là đoạn kênh nội đồng chảy qua khu vực xã Phước Hảo, nhìn chung không có hoạt động xả thải khác ngoài hoạt động của cơ sở, vì thế theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh nội đồng bằng phương pháp đánh giá trực tiếp theo Khoản 4 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 cụ thể được trình bày qua các bước như sau:

(1) Công thức đánh giá: $L_m = (L_{td} - L_{mn}) \times F_s$

Trong đó:

L_m : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

L_{mn} : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định.

(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$;

C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁.

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Chọn $Q_s = 7,26$ m³/s tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh nội đồng.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 3. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

STT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	TSS	50	7,26	86,4	31.363
2	BOD ₅	15	7,26	86,4	9.409
3	COD	30	7,26	86,4	18.818
4	NH ₄ ⁺ -N	0,9	7,26	86,4	565

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})

- Công thức xác định: $L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$; Trong đó:

+ C_{mn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s .
Chọn $Q_s = 7,26m^3/s$ tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh nội đồng;

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là $mg/l, m^3/s$ thành đơn vị tính là $kg/ngày$).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước kênh nội đồng, Cơ sở đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy và thử nghiệm 03 mẫu nước mặt kênh nội đồng trong 03 ngày khác nhau (mỗi mẫu cách nhau tối thiểu 03 ngày).

+ Vị trí lấy mẫu nước mặt phục vụ đánh giá khả năng tiếp nhận của đoạn kênh: Nước mặt kênh nội đồng tại vị trí cách điểm xả thải 100m theo hướng dòng chảy (Tọa độ VN-2000: X(m)=1094049; Y(m)= 0597699).

+ Thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
1	Lần 1	- Lấy mẫu lúc: 15 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời nắng. - Mẫu nước trong, ít cặn, không có mùi hôi.
2	Lần 2	- Lấy mẫu lúc: 15 giờ; - Điều kiện: Trời mát, nước lớn - Mẫu nước hơi đục, không mùi hôi.
3	Lần 3	- Lấy mẫu lúc: 15 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước lớn. - Mẫu nước trong, ít cặn, không có mùi hôi.

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

+ Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước mặt như sau:

Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	TSS	mg/L	39	42	35	39

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
2	COD	mg/L	13	19	16	16
3	BOD ₅	mg/L	8	10	9	9
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	<0,011	<0,011	<0,011	<0,011

(Nguồn: Phiếu KQTN đính kèm Phụ lục)

- Như vậy, giá trị của C_{mn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt. Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 6. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

STT	Thông số	C _{mn} mg/l	Q _s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L _{nn} (kg/ngày)
1	TSS	39	7,26	86,4	24.463
2	BOD ₅	9	7,26	86,4	10.036
3	COD	16	7,26	86,4	5.645
4	NH ₄ ⁺ -N	<0,011	7,26	86,4	7

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

- Từ đó, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh nội đồng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải

STT	Thông số	L _{td}	L _{nn}	F _s	L _{tn} = (L _{td} - L _{nn}) x F _s
1	TSS	31.363	24.463	0,9	6.210,00
2	BOD ₅	9.409	5.645	0,9	3.387,60
3	COD	18.818	10.036	0,9	7.903,80
4	NH ₄ ⁺ -N	565	7	0,9	502,20

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Nhận xét: Căn cứ vào bảng trên, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đặc trưng đều có giá trị $L_{tm} > 0$, từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt kênh nội đồng có khả năng tiếp nhận 04 thông số đặc trưng được đánh giá của nước thải.

2.2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí khu vực hoạt động của cơ sở, Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị tư vấn lấy và thử nghiệm mẫu không khí xung quanh (KK), kết quả như sau:

+ Vị trí giám sát không khí xung quanh: Không khí tại khu vực cổng cơ sở (KK).

+ Thông số: Bụi, CO, SO₂.

Bảng 8. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	CO	mg/m ³	1,62	0,3
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,17	0,3
3	SO ₂	mg/m ³	0,041	0,35

(Nguồn: Phiếu KQTN đính kèm Phụ lục)

- Nhận xét: Chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực xung quanh cơ sở khá tốt, tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Vì thế, hoạt động của Cơ sở giết mổ gia súc tập trung Lâm Quốc Tuấn không ảnh hưởng tới khả năng chịu tải của môi trường không khí.



Hình 5. Sơ đồ vị trí xả thải vào nguồn nước của cơ sở

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

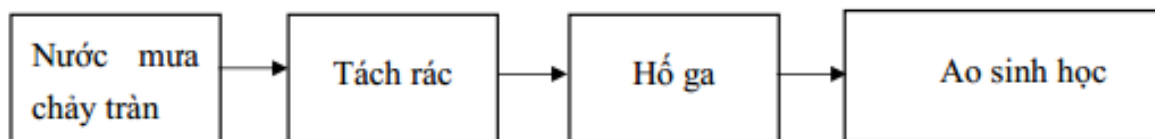
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa được xem như nước sạch nếu không bị nhiễm các thành phần ô nhiễm. Do đó, nước mưa phát sinh trong khu vực cơ sở được thu gom bằng các ống PVC để đầu nổi ra môi trường tiếp nhận ao vườn nhà, cụ thể như sau:

- Nước mưa trên mái cơ sở,... sẽ theo độ dốc chảy về các máng thu nước mưa, chảy vào ống nhựa PVC 60 mm để chảy xuống dưới và đi vào hệ thống ống thoát nước mưa bề mặt trong khuôn viên Cơ sở.

- Nước mưa phát sinh trên bề mặt khuôn viên Cơ sở (đường nội bộ,...) được tập trung vào các hố ga có trang bị song chắn rác được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Nước mưa sau khi qua song chắn rác để tách các loại rác có kích thước lớn theo mạng lưới thoát nước mưa bề mặt trong khuôn viên Cơ sở trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Chủ dự án sẽ thu gom nước mưa chảy tràn vào hệ thống hố ga có song chắn rác, sau đó vào ao vườn nhà:



Hình 6. Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- **Lưu lượng nước thải phát sinh như sau:**

+ Lưu lượng xả thải trung bình $Q_a = 2,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $Q_{\max} = 4,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Trong đó:

Nước thải sinh hoạt: $0,4\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

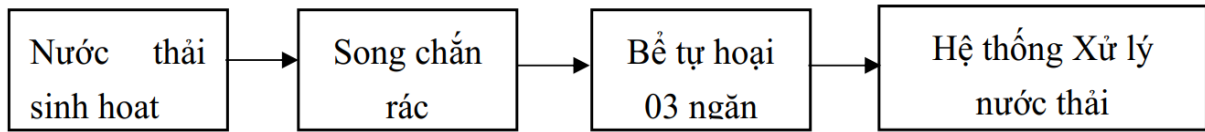
Nước thải sản xuất: $3,6\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- **Công trình thu gom nước thải:**

a) Nước thải sinh hoạt:

Trong quá trình hoạt động, Cơ sở phát sinh nguồn nước thải chính là nước thải sinh hoạt của công nhân viên. Nguồn nước thải sinh hoạt được thu gom như sau: Nước thải từ hầm cầu theo đường ống dẫn riêng để tập trung vào bể tự hoại

thể tích 5m³ xử lý. Phần nước thải sau bể tự hoại được thải ra vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở giết mổ.



Hình 7. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

b) Nước thải sản xuất

Lượng nước thải chủ yếu phát sinh từ các quá trình vệ sinh chuồng nhốt heo và lò giết mổ heo được thu gom bằng đường ống nhựa có kích thước Ø160 mm và các rãnh thu nước thải sản xuất dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- **Công trình thoát nước thải:** Nước thải sau xử lý được chảy theo ống dẫn ra kênh nội đồng, vật liệu ống PVC kích thước Ø160 mm.

+ Vị trí xả nước thải: thuộc ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X=1093907, Y=597749 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

+ Hình thức xả thải: tự chảy; nước thải xả mặt hay xả ngầm phụ thuộc vào thủy triều của kênh nội đồng; nước thải xả thải ven bờ.

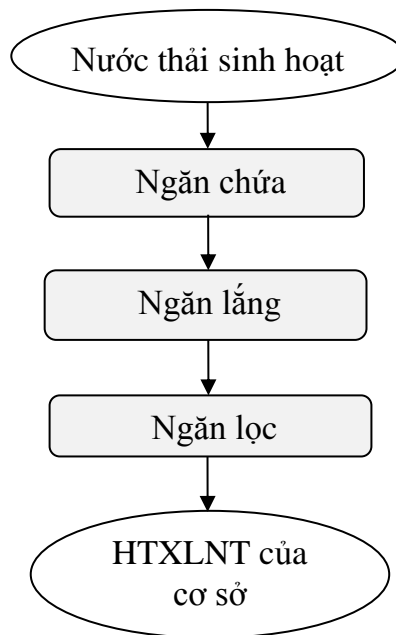
+ Chế độ xả thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

(Bản vẽ mặt bằng tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải đính kèm Phụ lục của Báo cáo).

3.1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Cơ sở được thu gom vào hầm tự hoại 03 ngăn xử lý với quy trình trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở:

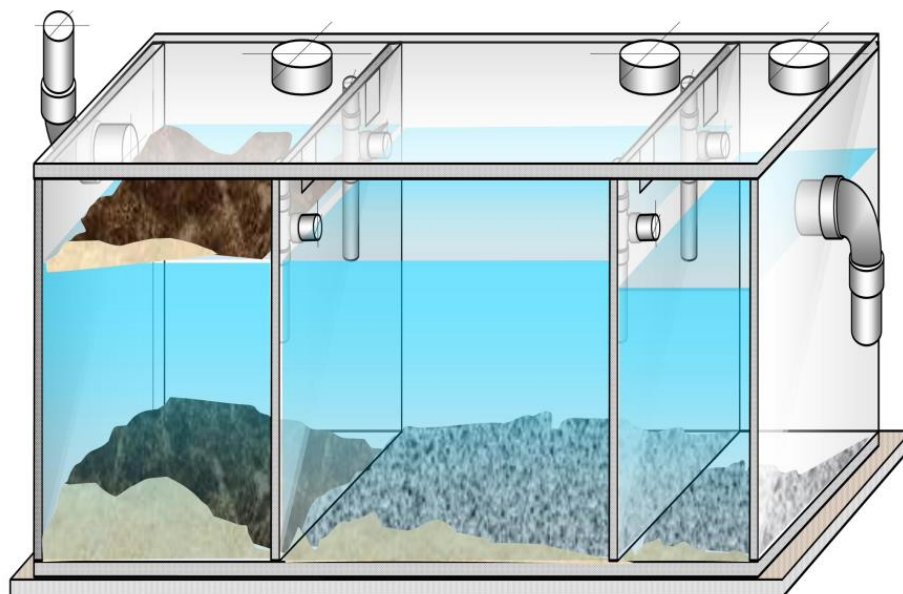


Hình 8. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

* **Thuyết minh quy trình:** Nước thải sinh hoạt được thu gom về hầm tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể như sau:

+ Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ,...).



Hình 9. Hình minh họa cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

+ Nước thải tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải bằng sạn sỏi.

Bảng 9. Thông số kỹ thuật bể tự hoại tại cơ sở

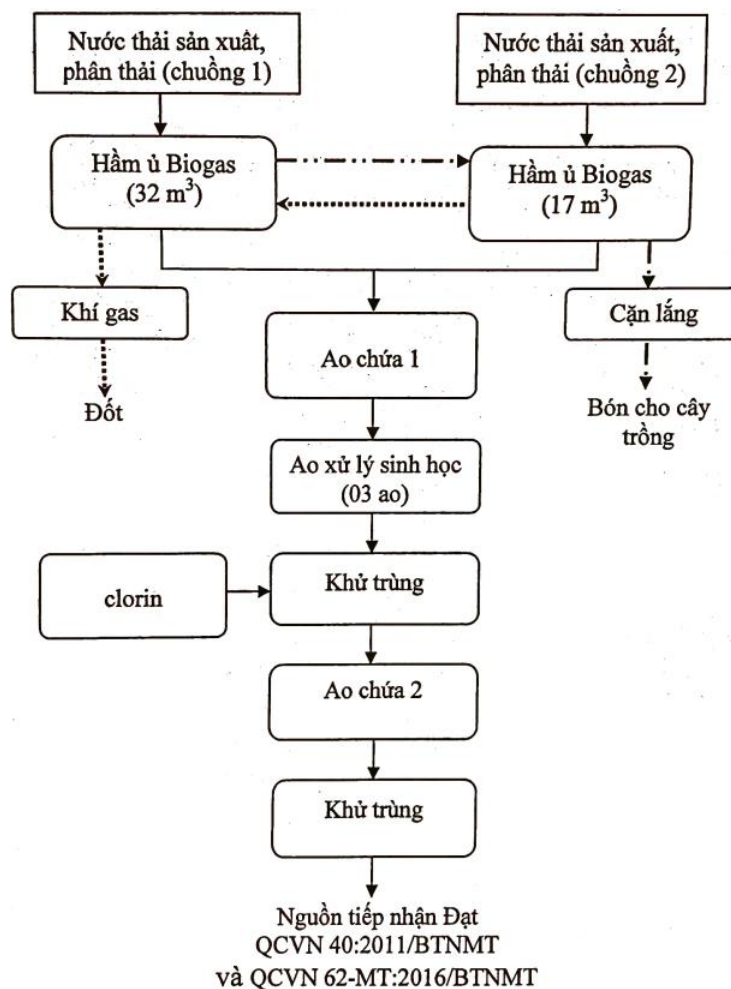
STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại	Kích thước: 2,5 m * 1,0m * 2,0m Thể tích: 5m ³ . Vật liệu: BTCT, gạch

(Nguồn: Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn)

b) Nước thải sản xuất

- Lưu lượng nước thải phát sinh hoạt động sản xuất khoảng 3,6 m³/ngày. Nước thải sản xuất thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 10. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất

*** Thuyết minh quy trình:**

+ *Hầm ủ Biogas*: Nước thải, phân thải được thu gom và đưa vào hầm ủ biogas. Phương pháp xử lý bằng hầm biogas dựa trên hoạt động của VSV kỵ khí. Phân của các loài gia súc như heo, bò, trâu, ngựa,... và các chất hữu cơ có trong nước thải dưới tác động của vi sinh vật trong môi trường hiêm khí sẽ bị phân hủy thành các chất hòa tan và chất khí (CH_4 , CO_2 , N_2 , H_2 , H_2S ,...). Các chất khí sẽ được thu lại tại nắp hầm ủ và được tận dụng trong hoạt động của cơ sở. Phần cặn được lưu giữ lại trong hầm và phần nước được thoát ra cửa xả của hầm ủ. Do nước thoát ra ngoài còn chứa nhiều cặn nên được dẫn qua bể lắng để xử lý cặn. Cặn lắng tại ao lắng được thu gom và bón cho cây trồng trong khuôn viên cơ sở.

+ *Xử lý bằng ao sinh học*: Nước thải sau khi xử lý bằng hầm ủ biogas được dẫn qua ao chứa (ao chứa 1) nhằm ổn định lưu lượng nước thải, sau đó dẫn vào hệ thống ao sinh học bằng đường ống D120, theo phương pháp tự chảy (gồm 03 ao sinh học). Hệ thống ao sinh học được thiết kế theo mô hình chữ Z một chiều. Trong ao có bố trí thực vật thủy sinh như lục bình. Nước thải sau đó được đi qua hồ khử trùng sau đó dẫn vào ao chứa 2 và lưu lại từ 2-4 ngày và tiếp tục đi qua hồ khử trùng (hồ 2) và chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng.

Nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) và QCVN 62-MT:2016/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở.



Hình 11. 02 hầm biogas và ao chứa 1



Hình 12. 03 ao sinh học

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Do đặc điểm của loại hình cơ sở là giết mổ gia súc nên mùi phát sinh là khó tránh khỏi. Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

+ Thường xuyên vệ sinh chuồng nhốt heo, khu mổ heo định kỳ 2-3 lần/ngày (sáng, trưa, chiều).

+ Xây dựng tường rào cao 3m xung quanh cơ sở và bố trí nhiều cây xanh nhằm che chắn hạn chế phát sinh mùi, khí thải ra bên ngoài.

- Đối với khí thải từ phương tiện giao thông: Có các biển cấm không cho xe lưu thông trong khuôn viên Cơ sở và quy định tắt máy xe trước khi vào cổng Cơ sở.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế (khẩu trang, găng tay...) cho cán bộ nhân viên Cơ sở.

- Đối với khí biogas:

+ Hỗn hợp khí sinh ra từ hầm Biogas có thành phần chủ yếu là metan (CH_4) chiếm khoảng 70%, carbonic (CO_2) chiếm khoảng 30%, hydrosulfide (H_2S) thường không quá 1%. Như vậy, lượng khí thải sinh ra từ hõng đốt biogas chủ yếu là CH_4 khi lượng khí này ổn định sẽ được thu gom triệt để dùng cho mục đích cung cấp cho lò hơi.

+ Nếu không sử dụng hết lượng gas có thể tiến hành đốt bỏ. Khi đốt cần bảo đảm an toàn không được lắp đặt đường ống dẫn khí đi qua những nơi gần nguồn nhiệt, dẫn vào bếp tiến hành đốt bỏ phải có người theo dõi tránh gây cháy nổ và có biện pháp xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Đối với khí thải từ các ao xử lý nước thải: Cơ sở lắp đặt ao xử lý nước thải nằm cách ly so với các công trình khác và bố trí cây xanh xung quanh ao xử lý.

- Bố trí trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên Cơ sở.

- Để hạn chế tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động, Cơ sở đã thực hiện:

+ Quy định tắt máy xe khi ra vào khu vực Cơ sở.

+ Bố trí cách âm nguồn phát sinh tiếng ồn: Đặt máy phát điện dự phòng và bơm cấp khí của hệ thống xử lý nước thải vào phòng cách ly và xây dựng theo quy định phòng cách âm. Các kết cấu chống ồn của phòng máy gồm tường cách âm, cửa và trần cách âm.

+ Cần có chế độ bảo trì định kỳ, bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Đối với khí đốt phát sinh từ hầm biogas sẽ được đốt cháy liên tục và tận dụng làm nhiên liệu cho các khâu sản xuất.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Lượng rác thải phát sinh chủ yếu gồm rác thải sinh hoạt của nhân viên và các phế phẩm gia súc.

+ Lượng rác thải phát sinh hàng ngày được tập trung vào thùng chứa chuyên dụng. Hiện tại, cơ sở được bố trí 5 thùng chứa rác (loại thùng có thể tích 40L/thùng, có nắp đậy kín) xung quanh cơ sở.

+ Các phế phẩm gia súc như: lòng, ruột, bao tử, thịt vụn, lông, móng,... được thu gom vào các bao nylon ngay sau ca sản xuất và xử lý phù hợp.

*** Biện pháp xử lý:**

- Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên phát sinh khoảng 365kg/năm (trung bình 1,0 kg/ngày), được hợp đồng thu gom và xử lý với đơn vị thu gom và xử lý của xã Phước Hảo.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, bao gồm:

+ Phế phẩm từ gia súc như: lòng, ruột, bao tử, thịt vụn,... được thu gom và bán cho cơ sở chế biến thức ăn cho cá trong khu vực. Khối lượng phát sinh khoảng 10,0 kg/ngày.

+ Phế phẩm lông, móng,... được thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý. Khối lượng phát sinh khoảng 36,5kg/năm (khoảng 0,1kg/ngày).

Đánh giá hiệu quả xử lý: Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn đã và đang được áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây mất vệ sinh môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trong năm 2022, hoạt động của cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại. Cơ sở cam kết nếu có phát sinh CTNH trong năm tới, Cơ sở sẽ bố trí thu gom và thuê đơn vị xử lý đúng quy định.

Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ nguy cơ phát sinh CTNH tại cơ sở, Chủ dự án thống kê các loại chất thải nguy hại có thể phát sinh bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, khối lượng phát sinh ước tính tối đa khoảng 5kg/năm.

Biện pháp quản lý CTNH được đề xuất như sau:

- Trang bị ít nhất 01 thùng chứa chất thải nguy hại (có nắp đậy, đặt ở nơi có mái che, đảm bảo không rò rỉ), có dán nhãn theo đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi số lượng đủ nhiều.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Tiếng ồn phát sinh từ các nguồn sau:
 - + Hoạt động vận chuyển ra vào cơ sở sẽ gây ra tiếng ồn trong khu vực. Khi có nhiều nguồn ồn phát ra cùng lúc, tại bất kỳ điểm nào trên khu vực, đều chịu tác động tổng hợp của các nguồn ồn mang lại.
 - + Tiếng ồn từ gia súc (heo) là do tiếng kêu của heo đồng phát khi bị đói, lúc giết mổ. Tham khảo các thông số đo đạc về tiếng ồn tại các chuồng trại nuôi tương tự thì tiếng ồn sinh ra trong trại ước tính khoảng 80 - 85 dBA sẽ gây cảm giác khó chịu, nhức đầu cho công nhân trực tiếp chăm sóc heo.
- Để khống chế tiếng ồn từ hoạt động của cơ sở giết mổ, Dự án đề xuất các biện pháp sau:
 - + Đối với tiếng ồn từ heo sống, khi bắt nhốt hoặc bắt ra để chuẩn bị giết mổ, người công nhân phải được tập luyện thao tác dứt khoát, không do dự để tránh trường hợp heo bò vùng vẫy, kêu hét nhiều.
 - + Đối với các máy móc thiết bị tại cơ sở giết mổ, thường xuyên kiểm tra, bôi trơn, lắp đệm cao su các trục quay để giảm phát sinh tiếng ồn.
 - + Xe gắn máy, xe ô tô không nổ máy trong suốt thời gian đậu tại nhà xe.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố về nước thải:

Để kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra từ hệ thống xử lý nước thải (hầm biogas), chủ cơ sở các biện pháp sau:

Bảng 10. Các sự cố và cách khắc phục khi vận hành hầm Biogas

Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Khí không có hoặc ít so với dự kiến	Nguyên liệu bị nhiễm độc tố	Kiểm tra lại nguyên liệu nạp đầu vào có tốt không.
Không đủ vi sinh kỵ khí	Đợi một thời gian hoặc bổ sung thêm vi sinh	
Thời tiết quá lạnh	Đợi thời tiết ấm lên	
Đường ống dẫn khí hay thiết bị chứa khí bị rách, rò rỉ khí	Kiểm tra toàn bộ mặt bạt phủ, nếu phát hiện bạt bị rách cần báo cho bộ phận bảo trì để khắc phục	
Nước thải có tính axit pH<7	Dùng vôi hoặc tro để điều chỉnh	
Nước thải có tính kiềm	Chỉ cần đợi một thời gian	
Lượng nguyên liệu đầu vào không đủ	Tăng nguyên liệu nạp bổ sung hoặc cấp khí tự nhiên bằng máy thổi khí	
Thừa khí sử dụng	Quá nhiều nguyên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt lượng nạp - Thay thiết bị công suất lớn hơn hoặc tăng cường dùng khí cho mục đích khác
Nguyên liệu không được nạp vào hầm biogas	Nguyên liệu quá đặc	Cần bổ sung thêm nước để pha loãng
Các đường ống cũng như hố ga trung gian bị tắt	Kiểm tra và thông lại đường ống	
Khí quá hôi	Khí chứa nhiều H ₂ S	Giảm lượng chất thải người hoặc lắp thêm bộ lọc H ₂ S

b) Sự cố cháy nổ

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại cơ sở cụ thể như sau:

- Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chồ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện. Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của trại. Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: hòm cứu hỏa, bình CO₂ MT3, máy bơm,..

- Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có rom rạ,..Nơi để rom rạ phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ..

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sản xuất từ quá trình giết mổ và nước thải sinh hoạt. Do nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nên cơ sở cấp 1 dòng nước thải là nước thải sản xuất.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 4,0m³/ngày đêm

- Dòng nước thải: Chủ cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải là nước thải sản xuất được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Dòng nước thải của dự án bao gồm nước thải sinh hoạt được xử lý đạt sản xuất được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của dự án được trình bày chi tiết ở bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1	pH	--	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	100
3	COD	mg/L	150
4	BOD5	mg/L	50
5	Tổng P	mg/L	6
6	Tổng N	mg/L	40
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	10
8	Fe	mg/L	5
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10
10	Coliforms	MPN/ 100mL	5.000

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở.

- Vị trí xả nước thải: thuộc ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành,

tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X=1093907, Y=597749 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy; nước thải xả mặt hay xả ngầm phụ thuộc vào thủy triều của kênh nội đồng; nước thải xả thải ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với bụi, khí thải: không có

Hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi từ hoạt động vận chuyển heo vào cơ sở được giảm thiểu bằng các biện pháp giảm thiểu và lượng khí từ hầm biogas được tận dụng làm khí đốt và đốt bỏ khí dư thừa nên báo cáo không đề xuất cấp phép đối với khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình hoạt động của cơ sở có mức độ tác động đến môi trường xung quanh không đáng kể.

Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

5.1.1. Kết quả giám sát chất lượng nước thải:

Kết quả quan trắc nước trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được thống kê từ kết quả các đợt quan trắc trong năm 2022. Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) và QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Các kết quả được tổng hợp tại các bảng sau:

Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 62-MT:2016 /BTNMT	QCVN 40:2011 /BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2		
1	pH	-	7,16	6,21	5,5-9	5,5-9
2	TSS	mg/L	24	52	175,5	100
3	COD	mg/L	26	36	351	150
4	BOD ₅	mg/L	5	20	117	50
5	Tổng N	mg/L	KPH	-	175,5	40
6	Độ màu	mg/L	-	43,2	-	150
7	Clo dư	mg/L	-	KPH	-	2
8	Amoni	mg/L	-	8,13	-	10
9	Coliform	MPN/100mL	4,3.10 ³	3,3.10 ³	5.000	5.000

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 của cơ sở)

*** Nhận xét:** Kết quả thử nghiệm cho thấy, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở trong năm 2022 có chất lượng khá tốt, tất cả các thông số có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) và QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

5.1.1. Kết quả giám sát chất lượng nước mặt:

Chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu nước mặt tại kênh nội đồng cách vị trí xả nước thải 100m.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ GIẾT MỒ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt khu vực kênh nội đồng tiếp nhận nước thải của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 12. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	39	42	35	50
2	COD	mg/L	13	19	16	30
3	BOD ₅	mg/L	8	10	9	15
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	<0,011	<0,011	<0,011	0,9
5	Coliform	MPN/100mL	2.600	3.500	3.000	5.000

(Nguồn: Các phiếu KQTN đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Nước mặt tại kênh nội đồng (nguồn tiếp nhận nước thải) có chất lượng tốt, tất cả chỉ tiêu thử nghiệm có giá trị đạt so với giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₁).

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Không có.

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ theo khoản 2 Điều 39 Luật bảo vệ môi trường 2020 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và tình hình hoạt động của cơ sở.

Chủ cơ sở xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 13. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
Nước thải	01 mẫu nước thải tại đầu ra của ống thoát nước thải (NT)	pH, TSS, COD BOD ₅ , Tổng P, Tổng N, N-NH ₄ ⁺ , Fe, Dầu mỡ khoáng, Coliforms	03 tháng/lần	QCVN 40:2011 /BTNMT, cột B
Nước mặt	01 mẫu nước mặt kênh nội đồng cách vị trí xả thải 100m theo hướng dòng chảy	TSS, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ -N, COD, Coliform	06 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
Giám sát khác	- Giám sát hệ thống PCCC và hệ thống chống sét theo định kỳ của cơ quan chuyên môn; - Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động. - Giám sát chất thải rắn		03 tháng/lần	

(Nguồn: đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Khoản 2 Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Dự án không thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

6.2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm ước tính: 20.000.000 đồng/năm.

Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn bao gồm Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh, UBND huyện Châu Thành thông qua Phòng TNMT và UBND xã Phước Hải.

Cơ sở chưa bị xử phạt hành chính và xử phạt khác về bảo vệ môi trường.

Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn xin cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường, đảm bảo chất thải được xử lý đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường 2020; các Nghị định, thông tư, văn bản pháp quy hiện hành có liên quan đến hoạt động của Dự án;

Cam kết thực hiện các chương trình quản lý và quan trắc môi trường và gửi báo cáo đến các cơ quan có chức năng theo quy định;

Trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại do sự cố mà hoạt động dự án gây ra, khắc phục và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý và xử lý chất thải phát sinh như sau: Trong quá trình hoạt động dự án, chủ dự án cam kết: các nguồn thải được kiểm soát chặt chẽ, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường phải đạt theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:

+ Chủ cơ sở cam kết có biện pháp giảm thiểu thích hợp, đảm bảo đạt Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Cam kết hạn chế tiếng ồn, độ rung không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh và người lao động.

- Đối với nước thải:

+ Cam kết hệ thống thu gom nước mưa tách riêng hệ thống thu gom nước thải.

+ Cam kết thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011 BTNMT Cột B.

- Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: cam kết thực hiện phân loại và ký hợp đồng thu gom chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng trước khi dự án đi vào hoạt động; đảm bảo có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và phân loại chất

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ GIẾT MỎ TẬP TRUNG LÂM QUỐC TUẤN

thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thực hiện đóng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Cam kết quản lý CTR theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

+ Chất thải nguy hại: cam kết ký hợp đồng thu gom vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng trước khi đưa dự án đi vào hoạt động; thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ 01 năm/lần với cơ quan chức năng.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.

Chúng tôi xin gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến cơ sở:

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Số: 46 /XN-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 12 năm 2015.

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 1642/TTr-PTNMT ngày 27/11/2015 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xác nhận Công ty TNHH lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành vào ngày 29/11/2015. Địa điểm thực hiện tại ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Công ty TNHH lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các biện pháp khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2014.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn để thực hiện và lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Phước Hảo;
- Hộ Lâm Quốc Tuấn;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT.



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Điều

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2602/UBND-NN

Châu Thành, ngày 10 tháng 9 năm 2018

V/v điều chỉnh nội dung trong Kế hoạch
bảo vệ môi trường của Cơ sở giết mổ
tập trung Lâm Quốc Tuấn

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Hảo.

Xét Tờ trình số 653/TTr-PTNMT ngày 05/9/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thay đổi nội dung trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn (đính kèm);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thống nhất Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn được điều chỉnh nội dung trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn nêu tại Báo cáo số 01/CSLQT ngày 29/8/2018 của Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn.

Trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. / *ml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH *ml*

Nguyễn Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2289 /UBND-NN
V/v thay đổi tên Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn

Châu Thành, ngày 01 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 905/TTr-PTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thay đổi tên trên Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn (đính kèm);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận cho hộ Lâm Quốc Tuấn được điều chỉnh tên từ Công ty TNHH lò giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn sang hộ kinh doanh Cơ sở giết mổ tập trung Lâm Quốc Tuấn trên bản Kế hoạch bảo vệ môi trường. Trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Hộ Lâm Quốc Tuấn;
- LĐVP, NC: NN, KT;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PH. CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nguyễn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

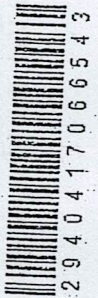
I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Họ: **THẠCH THỊ CHAM RONE**

Năm sinh: 1979, CMND số: 334712910

Địa chỉ thường trú: ấp Đa Hòa, xã Phước Hải, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2940417066543

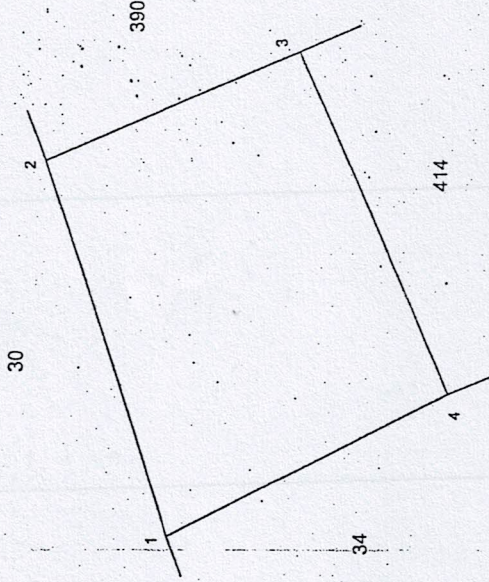
CG 884180

PH. PH. PH.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Đất số: 33, tờ bản đồ số: 11, từ bản đồ số: 11
 tại: ấp Đa Hòa, xã Phước Hải, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 chi: 587,6m², (bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy phẩy sáu mét vuông)
 mục sử dụng: Sử dụng riêng
 lịch sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
 hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2045
 góc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

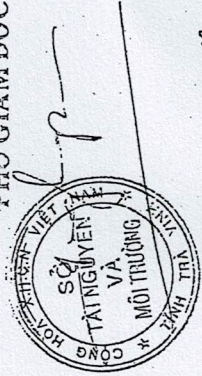
nh xây dựng khác: -/-
 n xuất là rừng trồng: -/-
 năm: -/-
 f. Không.



Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	28,52
2 - 3	19,92
3 - 4	26,90
4 - 1	22,70

Trà Vinh, ngày 27 tháng 05 năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Học

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển nhượng cho Ông LÂM QUỐC TUẤN, Sinh năm: 1972, CMND số: 334256292 và vợ là Bà HUỲNH THỊ NGỌC THANH, Sinh năm: 1975, CMND số: 334634068, địa chỉ thường trú: ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; theo hồ sơ số 066543.CN.003

Xác nhận của cơ quan KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

11/09/2017
 GIÁM ĐỐC



Phan Hải Sơn

Nội dung thay đổi và công chứng

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

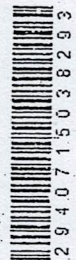
I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: LÂM QUỐC TUẤN
 Năm sinh: 1972, CMND số: 334256292
 Địa chỉ thường trú: ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bà: HUỖNH THỊ NGỌC THANH
 Năm sinh: 1975, CMND số: 334634068
 Địa chỉ thường trú: ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc bị chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy

CÓ TRANG CÔNG CHỨNG SỐ 1....."



2940715038293

CB 270410

NH

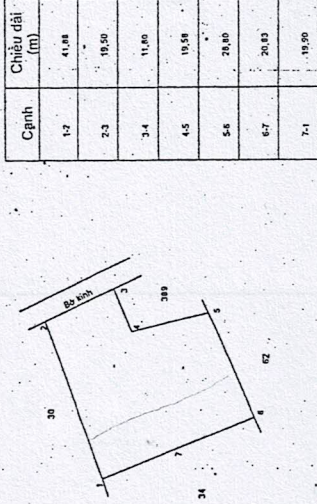
, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

đất số: 390, tờ bản đồ số: 11
ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
diện tích: 1441,5m², (bằng chữ: Một nghìn bốn trăm bốn mươi một phẩy năm mét

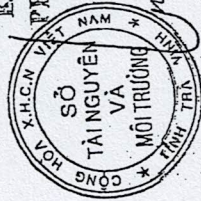
mức sử dụng: Sử dụng riêng
tích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2045
góc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất
thủ tiên sử dụng đất

nh xây dựng khác: -/-
n xuất là rừng trồng: -/-
năm: -/-
: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trà Vinh, ngày 12, tháng 11, năm 2015
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đạt Phước Hiệp

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

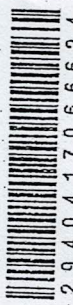
Ông: LÂM QUỐC TUẤN

Năm sinh: 1972, CMND số: 334256292

Địa chỉ thường trú: ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
------------------------------------	------------------------------------

cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 4 0 4 1 7 0 6 6 6 2 4

CH 098572

11/1/2011

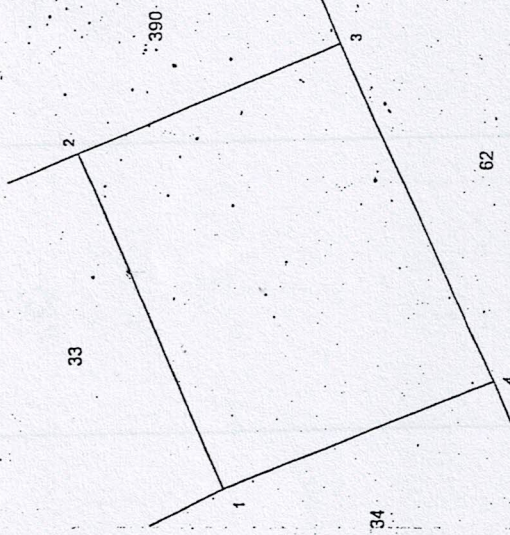
nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Đất số: 414, tờ bản đồ số: 11
: ấp Đả Hòa, xã Phước Hào, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
diện tích: 573,6m², (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi ba phẩy sáu mét vuông)
mục đích sử dụng: Sử dụng riêng
chức năng sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
n. sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2045
nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất
mục đích sử dụng đất

nhà xây dựng khác: -/-
đất xuất là rừng trồng: -/-

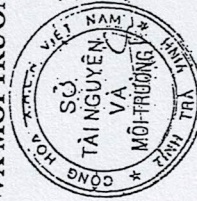
năm: -/-
Không.

Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	26,90
2 - 3	20,80
3 - 4	27,30
4 - 1	21,50

Trà Vinh, ngày 24 tháng 6... năm 2017
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Thủy

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 857-11/22-5.9/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CƠ SỞ GIẾT MỒ LÂM QUỐC TUẤN

2/ Địa chỉ : Ấp Đa Hòa, Xã Phước Hào, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau hồ khử trùng (X=1093900;Y=0597730)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,3 ⁰ C)	-	6,21	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	52	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	36	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	20	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	43,2	1,5	150	SMEWW 2120.C:2017
6	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	2	SMEWW 4500-CI.G:2017
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	8,13	0,011	10	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	3.300	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 868-11/22-5.14/ KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CƠ SỞ GIẾT MỒ LÂM QUỐC TUẤN

2/ Địa chỉ : Ấp Đa Hòa, Xã Phước Hảo, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước mặt kênh nội đồng tại vị trí cách điểm xả thải 100m theo hướng dòng chảy
(X=1094049; Y= 0597699)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
					B1	B2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	TSS**	mg/L	42	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
2	COD*	mg/L	19	2,0	30	50	SMEWW 5220.C: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	10	1,0	15	25	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,011	0,9	0,9	TCVN 6179-1:1996
5	Coliform*	MPN/100mL	3.500	2	7.500	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 878-11/22-3.16/ KQPT

Tp.HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CƠ SỞ GIẾT MỔ LÂM QUỐC TUẤN

2/ Địa chỉ : Ấp Đa Hòa, Xã Phước Hảo, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước mặt kênh nội đồng tại vị trí cách điểm xả thải 100m theo hướng dòng chảy

(X=1094049; Y= 0597699)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
					B1	B2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	TSS**	mg/L	35	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
2	COD*	mg/L	16	2,0	30	50	SMEWW 5220.C: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	9	1,0	15	25	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,011	0,9	0,9	TCVN 6179-1:1996
5	Coliform*	MPN/100mL	3.000	2	7.500	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

ThS: Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 857-11/22-5.9/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CƠ SỞ GIẾT MỒ LÂM QUỐC TUẤN

2/ Địa chỉ : Ấp Đa Hòa, Xã Phước Hảo, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước mặt kênh nội đồng tại vị trí cách điểm xả thải 100m theo hướng dòng chảy

(X=1094049; Y= 0597699)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
					B1	B2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	TSS**	mg/L	39	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
2	COD*	mg/L	13	2,0	30	50	SMEWW 5220.C: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	8	1,0	15	25	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,011	0,9	0,9	TCVN 6179-1:1996
5	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	7.500	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS: Thái Sanh Bảo Huy